

CHƯƠNG III

**BỘ NỘI VỤ TRONG GIAI ĐOẠN  
QUYẾT ĐỊNH CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG  
THỰC DÂN PHÁP  
(từ cuối năm 1950 đến cuối năm 1954)**

Qua mấy năm kháng chiến anh dũng, quân và dân ta đã thu được những thắng lợi to lớn trên nhiều mặt trận. Từ cuối năm 1949 đến năm 1950, tình hình thế giới có nhiều biến chuyển quan trọng có lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Để tranh thủ những điều kiện thuận lợi, phá thế bị bao vây bên trong và bên ngoài, đưa cuộc kháng chiến của dân tộc ta bước sang một giai đoạn mới - *giai đoạn tiến công* - nhằm sớm kết thúc chiến tranh, năm 1950, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định mở *Chiến dịch Biên giới Thu Đông* để phá vỡ thế bao vây theo hành lang Đông - Tây của quân Pháp, khai thông tuyến biên giới Việt- Trung, mở rộng vùng giải phóng, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch... Sau hơn một tháng chiến đấu, quân ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn<sup>1</sup>.

Từ sau chiến thắng Biên giới (1950), quân và dân ta đã giành được thế chủ

---

1. Ngày 16-9-1950, quân ta nổ súng tiến công cứ điểm Đông Khê làm trận mở màn cho chiến dịch Biên giới. Kết thúc chiến dịch (ngày 22-10- 1950), quân ta tiêu diệt và bắt sống 8.300 tên địch, thu hàng tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh, giải phóng tuyến biên giới Việt- Trung dài 750 km với 35 vạn dân...

động trên chiến trường Bắc Bộ. Đầu năm 1951 đã diễn ra Đại hội Đảng lần thứ II. Đảng ta trở lại hoạt động công khai và đổi tên thành Đảng Lao động Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng và Chính phủ, công tác xây dựng, củng cố, điều hành chính quyền được tăng cường hơn so với trước. Cũng từ thời điểm này, cuộc kháng chiến của ta bắt đầu nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ mạnh mẽ của bè bạn quốc tế, nhất là của Liên Xô và Trung Quốc<sup>2</sup>.

Năm 1953, sau tám năm kháng chiến, quân và dân ta đã lớn mạnh về mọi mặt và có đủ điều kiện đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Trong khi đó, quân Pháp ngày càng sa lầy, bị thiệt hại nặng nề về người và của, và ngày càng phụ thuộc hơn vào sự viện trợ của Mỹ. Để cứu vãn thất bại, tháng 11-1953, Pháp cử tướng Nava sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Khi sang Đông Dương, Nava đã đưa ra một kế hoạch đầy tham vọng - *Kế hoạch Nava* - hòng chuyển bại thành thắng trong vòng 18 tháng<sup>3</sup>.

Để đối phó với âm mưu và hành động mới của địch, cuối tháng 9-1953 Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp bàn về kế hoạch quân sự Đông Xuân 1953- 1954, nhấn mạnh phương châm tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, đánh vào những nơi địch sơ hở và yếu, giữ vững thế chủ

---

2. Đầu năm 1950 nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã được nhiều nước trong phe xã hội chủ nghĩa và dân chủ công nhận chính thức: Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (18-1-1950), Liên Xô (30-1-1950), Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên (31-1-1950), Tiệp Khắc (2-2-1950), Cộng hoà dân chủ Đức (2-2-1950), Hunggari (4-2-1950), Rumani (3-2-1950), Ba Lan (5-2-1950), Bungari (8-2-1950), Anbani (13-2-1950).

3. Kế hoạch Nava cơ bản gồm 2 bước: *Bước 1*: Giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc và tiến công bình định ở miền Nam, miền Trung Đông Dương, xoá bỏ vùng tự do liên khu V. *Bước 2*: Thực hiện tiến công chiến lược ở miền Bắc để giành thắng lợi quân sự, buộc ta phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho chúng.

động, buộc địch phải phân tán lực lượng...

Thực hiện chủ trương trên, ta chủ động mở một số chiến dịch trong kế hoạch quân sự Đông Xuân 1953-1954. Trước các cuộc tiến công của quân ta trên khắp các chiến trường, Nava không thể nào tập trung thực hiện được kế hoạch của mình như đã định. Đến tháng 11-1953, quân ta tiến lên Tây Bắc, phát hiện sự di chuyển của quân ta, ngày 20- 11- 1953, Nava đã điều động 6 tiểu đoàn quân dù xuống chiếm Điện Biên Phủ để bảo vệ Lai Châu và Thượng Lào. Việc đổ quân xuống Điện Biên Phủ không có trong kế hoạch Nava lúc đầu. Cuối cùng cả phía ta và địch đều chấp nhận trận quyết chiến chiến lược tại Điện Biên Phủ. Chiến dịch diễn ra trong 56 ngày đêm từ ngày 13-3 đến ngày 7-5- 1954<sup>1</sup>. Kết quả quân ta toàn thắng, Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ (tháng 7-1954), công nhận độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, kết thúc chiến tranh. Chế độ thực dân Pháp hoàn toàn chấm dứt ở Việt Nam.

Trong bối cảnh của những sự phát triển và diễn biến mau lẹ và to lớn của cuộc kháng chiến chống Pháp, trong thời kỳ 1950- 1954, Bộ Nội vụ đã có những chuyển biến tích cực để đáp ứng những yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới.

---

1. Kết thúc chiến dịch Điện Biên Phủ quân ta đã tiêu diệt và bắt sống 16.200 tên địch, bắn rơi và phá 62 máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí, quân trang, quân dụng của quân Pháp ở Điện Biên Phủ.

## I- BỘ NỘI VỤ VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG, Củng CỐ CHÍNH QUYỀN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

### 1. Tiếp tục củng cố tổ chức của Bộ Nội vụ

Trong thời kỳ này, do tình hình chiến sự ngày càng ác liệt, khẩn trương, để đáp ứng yêu cầu công tác, theo chỉ đạo của Chính phủ, cơ quan Bộ Nội vụ và một số bộ phận khác của Chính phủ liên tục phải di chuyển địa điểm làm việc nhiều lần. Cuối năm 1950 cơ quan Bộ Nội vụ chuyển đến đóng tại xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Giữa năm 1951 cơ quan Bộ lại chuyển về cạnh sông Phó Đáy ở thôn Yên Thượng (xã Trung Yên, Sơn Dương). Cuối năm đó cơ quan Bộ Nội vụ được lệnh chuyển tới thôn Đồng Mìn (xã Bình Yên, Sơn Dương). Đến đầu năm 1952 cơ quan Bộ lại quay về Yên Thượng. Cuối năm 1952 cơ quan Bộ di chuyển tới xã Cấp Tiên (Sơn Dương). Đầu năm 1954 cơ quan Bộ chuyển đến thôn Niếng (xã Minh Thanh, Sơn Dương) và cuối cùng, tháng 7-1954 thì chuyển về Hà Nội<sup>2</sup>.

Như vậy là chỉ trong vòng chưa đầy bốn năm, cơ quan Bộ Nội vụ đã phải di chuyển tới sáu lần. Tuy rằng di chuyển là một hiện tượng hết sức bình thường trong điều kiện chiến tranh, nhưng đây cũng là một thử thách không nhỏ đối với cán bộ, viên chức của cơ quan Bộ, đòi hỏi họ phải luôn tích cực và yên tâm trong tư tưởng, cố gắng rất cao trong công tác thì mới có thể hoàn thành tốt các nhiệm vụ.

Thực hiện tác phong công tác thời chiến, các cuộc di chuyển cơ quan đều

---

2. Theo: Ngô Quốc Lập, "Về việc xác định địa điểm nơi Bộ Nội vụ đóng trụ sở làm việc trong kháng chiến chống thực dân Pháp tại Tuyên Quang và dự kiến địa điểm dựng bia kỷ niệm", Tham luận tại hội thảo xác định địa điểm làm việc của Bộ Nội vụ thời kỳ kháng chiến chống Pháp tại chiến khu Việt Bắc, Tuyên Quang, ngày 6-3-2004, tr. 3.

được tiến hành rất cẩn mật, thận trọng, chủ yếu đi vào ban đêm, theo đường rừng qua các bản làng. Mặc dù phải mang vác rất vất vả, nhưng cán bộ, nhân viên cơ quan Bộ luôn cố gắng khắc phục ổn định nơi ăn, ở và làm việc, đảm bảo công tác liên tục và thông suốt. Tại những nơi mới đến, dù công việc bề bộn, cán bộ cơ quan Bộ vẫn duy trì nề nếp làm việc chính quy, nghiêm túc, lối sống giản dị, đoàn kết thân ái, vừa công tác, vừa tích cực tăng gia, chịu khó học tập và không quên tổ chức các hoạt động giải trí, thể thao, duy trì nếp sống lành mạnh, lạc quan.

Cùng với việc di chuyển và ổn định nơi làm việc, Bộ Nội vụ tiếp tục tiến hành củng cố tổ chức và lề lối làm việc của cơ quan Bộ<sup>1</sup>. Văn phòng Bộ Nội vụ vẫn gồm 6 phòng: Phòng 1 phụ trách công tác hành chính như công văn, liên lạc, lưu trữ, mật mã, vật tư, đối ngoại, khen thưởng, cấp giấy thông hành, giấy chứng minh nhân dân, giấy phép...; Phòng 2 phụ trách việc quản lý nhân sự, huấn luyện công chức, quản lý tài chính, ngân sách, kế toán, các cơ quan phụ thuộc thuộc Bộ, và quản lý ngân sách tỉnh, cấp công lệnh và giấy đi đường...; Phòng 3 chịu trách nhiệm lập chương trình và kế hoạch hoạt động của Bộ, công tác tổ chức cán bộ, tuyên huấn, thi đua ái quốc, tin tức, báo cáo, tu thư, thư viện, báo chí, in ấn, pháp chế, thống kê, điền địa, giảm tô, hoá giá, hộ tịch...; Phòng 4 có nhiệm vụ theo dõi các Nha thuộc Bộ như Cảnh vệ, Toà án, Quân sự, Trại giam, Tù binh, Biên chính, Ngoại kiều, Tôn giáo, Đảng phái, Lập hội, Đoàn thể nhân dân...; Phòng 5 phụ trách về hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp như bầu cử, chỉ định, công nhận... và các công việc khác như nghiên cứu, theo dõi, kiểm tra, kỷ luật, huấn luyện, biên tập, dịch thuật, kiến thiết hương thôn, ngân sách xã, quốc dân thiếu số...; Phòng 6 theo dõi việc áp dụng quy chế chung và riêng của công chức,

---

1. Nghị định số 162 ngày 20-4-1950 của Bộ Nội vụ về tổ chức Văn phòng Bộ Nội vụ. *Việt Nam Dân quốc công báo*, số 5, 1950, tr. 87- 88.

quy chế công nhận của Chính phủ, tình hình công chức và công nhân Chính phủ trong phạm vi toàn quốc, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến công chức... Nhìn chung, công việc của Văn phòng được chia thành hai phần công việc chủ yếu. Phần tổng hợp hành chính giúp Bộ nắm vững tình hình chỉ đạo chung vẫn do một Đồng lý Văn phòng phụ trách. Phần nội dung hoạt động cụ thể mang tính chất nghiệp vụ giúp Bộ nắm vững tình hình và chỉ đạo theo từng lĩnh vực được giao cho một số phòng và do một Đồng lý Sự vụ phụ trách.

Năm 1951, nhằm nêu cao chính nghĩa của cuộc kháng chiến và tinh thần nhân đạo khoan hồng của Chính phủ ta, và tổ tình hữu nghị giữa hai dân tộc Pháp - Việt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định tha toàn bộ số Pháp kiều bị ta bắt ở Hà Nội thời kỳ đầu kháng chiến và một số tù binh Âu - Phi. Vào đêm Noel năm 1951, đoàn cán bộ của Bộ Nội vụ đã đến đọc thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh và công bố Quyết định tha Pháp kiều và tù binh Âu - Phi của Chính phủ Việt Nam. Từ đây trở đi, Bộ Nội vụ không còn trực tiếp quản lý các trại giam Pháp kiều và tù binh Âu - Phi nữa.

Theo Sắc lệnh số 83/SL, ngày 10-7-1951 của Chủ tịch nước, Nha Thông tin được tách khỏi Bộ Nội vụ và trực thuộc Chính phủ. Tháng 12- 1952, Hội đồng Chính phủ họp bàn về việc sắp xếp bộ máy cán bộ. Bộ Nội vụ gồm Văn phòng, Việt Nam Công an vụ, Vụ Tổ chức và Cán bộ. Đến cuối năm 1953, Nha Hoa kiều vụ cũng tách khỏi Bộ Nội vụ.

Đối với ngành công an, Bộ Nội vụ đã quyết định xếp ngạch cho những cảnh binh cũ được chuyển sang ngành công an<sup>2</sup>. Những nhân viên nào có văn bằng sẽ được xếp vào làm tá sự hoặc cán sự tạm thời, được hưởng các khoản phụ cấp theo quy định kể từ ngày được sáp nhập vào sở, ty công an. Những ai

---

2. Thông tư số 783/ P-4 ngày 9- 3- 1950 của Bộ Nội vụ về việc xếp ngạch cho những cảnh vệ binh cũ được chuyển sang ngành công an. *Việt Nam Dân quốc công báo*, số 5, 1950.

không có bằng cấp được xếp vào hạng tá sự tạm thời. Những cán bộ chỉ huy (từ cấp tiểu đội trưởng) có năng lực sẽ được bố trí vào những công việc phù hợp và có mức lương tương xứng.

Bộ Nội vụ còn quyết định thành lập tại mỗi xã trong phạm vi cả nước *ban công an xã*<sup>1</sup>. Ban công an xã trực thuộc hệ thống Việt Nam công an vụ, dưới quyền điều khiển của Ủy ban kháng chiến hành chính xã và chấp hành mệnh lệnh của cấp trên theo ngành dọc, có nhiệm vụ bảo vệ tài sản của dân chúng, giữ gìn an ninh và vệ sinh công cộng trong xã, ngăn ngừa và bài trừ các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, mại dâm, trộm cướp... Về tổ chức, ban công an xã gồm nhiều tổ, do một trưởng ban và phó ban chỉ huy. Nhân viên công an xã có phù hiệu riêng trong khi thừa hành công vụ, tuy vậy không phải là viên chức của Chính phủ nên không có lương, nhưng nếu do yêu cầu của công việc mà không tham gia sản xuất được thì sẽ được hưởng công tác phí hoặc phụ cấp hàng tháng.

Bên cạnh việc thành lập công an xã, Bộ Nội vụ còn thành lập công an huyện trên phạm vi cả nước vào năm 1952<sup>2</sup>. Công an huyện có nhiệm vụ bảo vệ trị an, đề phòng phản gián, bảo vệ các cơ quan ở huyện, điều tra tội phạm theo yêu cầu của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, huyện và tòa án nhân dân, tổ chức và hướng dẫn công an xã phát triển công an nhân dân. Về tổ chức, công an huyện có các tổ điều tra và một bộ phận chuyên trách theo dõi các hoạt động của ban công an xã. Đứng đầu công an huyện là trưởng công an huyện, ở những huyện lớn và quan trọng có thể có thêm một phó công an huyện. Số nhân viên của công an huyện do Ủy ban kháng chiến hành chính

tỉnh quyết định theo đề nghị của ty công an tỉnh.

Trong phiên họp ngày 15-10-1952, Hội đồng Chính phủ đã bàn về vấn đề thành lập Bộ Công an. Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, được sự đồng ý của Ban Thường trực Quốc hội, ngày 16-2-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 141 về việc thành lập Thứ Bộ công an thuộc Bộ Nội vụ<sup>3</sup>. Theo Sắc lệnh này, Việt Nam Công an vụ thuộc Bộ Nội vụ được đổi lại thành Thứ Bộ công an. Lãnh đạo Thứ Bộ công an là một Thứ trưởng. Thứ Bộ công an có nhiệm vụ chống gián điệp, phản động ở trong nước để bảo vệ chính quyền nhân dân, bảo vệ quân đội nhân dân, và các đoàn thể nhân dân, bảo vệ nền kinh tế, biên giới, chống đặc vụ và gián điệp, bài trừ lưu manh, trộm cướp, các tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an ninh trong nhân dân, quản trị các trại giam, cải tạo phạm nhân. Về tổ chức, Thứ Bộ công an gồm Văn phòng Thứ Bộ, Phòng Nhân sự, Vụ Bảo vệ chính trị, Vụ Trị an hành chính, Vụ Chấp pháp, Cục Cảnh vệ, Trường Công an. Tháng 8-1953, Hội đồng Chính phủ quyết định đổi Thứ Bộ công an thành Bộ Công an. Từ đây Bộ Công an tách ra khỏi Bộ Nội vụ, trở thành một Bộ của Chính phủ.

Như vậy, sau các đợt nhập, tách từ cuối năm 1953 đến hết năm 1954, bộ máy tổ chức Bộ Nội vụ đi vào ổn định, tinh gọn hơn so với thời kỳ trước đó. Các Nha Thông tin tuyên truyền, Nha Hoa kiều vụ và đặc biệt Nha Công an tách khỏi Bộ Nội vụ, do đó, Bộ có điều kiện tập trung hơn vào công tác xây dựng bộ máy chính quyền và công tác cán bộ, công chức.

## **2. Bộ Nội vụ thực hiện công tác xây dựng, củng cố bộ máy chính quyền các cấp**

### *a) Xây dựng bộ máy chính quyền cấp tỉnh, thành phố*

---

1. Nghị định số 438 ngày 10- 10- 1950 của Bộ Nội vụ về tổ chức công an xã. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 13, 1950.

2. Nghị định số 9 ngày 3- 1- 1952 của Bộ Nội vụ về việc thành lập công an huyện. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 1, 1952, tr.5.

---

3. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 1- 2, 1953, tr.2.

Để nâng cao vai trò của Hội đồng Nhân dân, giúp Hội đồng nhân dân có phương tiện hoạt động tích cực và thường xuyên, tháng 4-1950 Bộ Nội vụ ra Nghị định đề nghị các cấp chính quyền thành lập văn phòng riêng cho Hội đồng nhân dân, đồng thời tiến hành ngay một số biện pháp để củng cố Hội đồng nhân dân, coi đó như khâu then chốt nhất để củng cố chính quyền dân chủ nhân dân<sup>1</sup>. Văn phòng có nhiệm vụ thu thập nguyện vọng của nhân dân gửi lên Hội đồng nhân dân, liên lạc với các uỷ viên Hội đồng nhân dân để giúp cho các uỷ viên làm nhiệm vụ, giúp Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng nhân dân.

Theo đề nghị của Bộ Nội vụ, ngày 22-5-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 80 về tiếp tục tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh, xã<sup>2</sup>. Sắc lệnh cho phép tiếp tục tổ chức các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh, xã theo như thể lệ đã ấn định trong Sắc lệnh số 63, ngày 22-11-1945. Đối với những vùng địch tạm chiếm hoặc bị địch uy hiếp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ có quyền quyết định tạm hoãn cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của Uỷ ban kháng chiến hành chính Liên khu. Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh có quyền tạm hoãn cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã theo đề nghị của Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện.

Căn cứ theo Sắc lệnh của Chủ tịch nước, Bộ yêu cầu Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc, Liên khu III, Liên khu IV, miền Nam Trung Bộ, Nam Bộ, và đặc khu Hà Nội tiến hành bầu cử lại tại những địa phương mà Hội đồng nhân dân khoá thứ nhất mãn hạn, hoặc do chỉ định, bầu gián tiếp, và số hội viên không có đủ thẩm quyền<sup>3</sup>. Đối với những trường

---

1. Nghị định ngày 18- 4- 1950 của Bộ Nội vụ về thành lập văn phòng riêng của Hội đồng nhân dân. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 11, 1950, tr. 195.

2. *Việt Nam Dân quốc công báo*, số 6, 1950, tr. 132.

3. Thông tư số 25 NV5 ngày 12-6-1950 của Bộ Nội vụ về giải thích việc thi hành

hợp đặc biệt có thể tạm hoãn bầu cử như trong những vùng bị địch tạm chiếm. Công tác bầu cử phải thật sự bình đẳng, dân chủ.

Căn cứ vào tình hình công việc, Bộ Nội vụ nhận thấy một số Liên khu, tỉnh vừa có địa bàn rộng, lại có vị trí quan trọng, công việc nhiều, mà số nhân viên tối đa chỉ có 7 người nên không đủ nhân lực để hoạt động. Đặc biệt, tại những tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ và năng lực của cán bộ thấp cũng cần phải tăng thêm nhân lực. Vì vậy, Bộ đã gửi Tờ trình lên Chính phủ đề nghị xem xét việc tăng số uỷ viên tối đa tại các Liên khu và tỉnh quan trọng từ 7 người lên 9 người (kể cả uỷ viên quân sự). Ngày 10-10-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh đồng ý với đề nghị của Bộ Nội vụ về việc tăng số uỷ viên Uỷ ban kháng chiến hành chính Liên khu và tỉnh.

Đến tháng 3-1951, Bộ Nội vụ gửi Thông tư yêu cầu các tỉnh phải củng cố lại bộ máy chính quyền nhân dân, định lại lề lối làm việc cho hợp lý và có hiệu quả<sup>4</sup>. Việc kiện toàn bộ máy Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh cần phải có sự thống nhất, tránh chồng chéo, và chỉnh đốn lại các mặt công tác cho hợp lý. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh cũng cần có kế hoạch củng cố và kiện toàn lại dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ.

#### *b) Xây dựng bộ máy chính quyền cấp huyện*

Có thể nói trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc, công tác củng cố bộ máy chính quyền cấp huyện chưa được quan tâm đúng mức, từ đó dẫn đến tình trạng thiếu cán bộ huyện. Nhiều huyện chỉ có từ 1-4 uỷ viên như ở các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang, Hà Tĩnh... Các uỷ viên này thường đảm nhiệm nhiều công tác nên ít khi có mặt tại trụ sở uỷ ban để làm việc. Lề lối làm việc còn quan liêu, giấy tờ, thiếu tính tập thể và không đi sát với xã.

---

Sắc lệnh số 80 ngày 22-5-1950 về việc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh, xã.

4. Thông tư số 62 ngày 23- 3- 1951 của Bộ Nội vụ về củng cố bộ máy chính quyền Hội đồng nhân dân và Uỷ ban kháng chiến hành chính.

Trong giai đoạn sau, chính quyền cấp huyện cũng chậm được kiện toàn và củng cố. Vì vậy, công tác chinh đồn chính quyền cấp huyện thời kỳ hậu chiến cần phải sớm gấp rút thực hiện.

Tính đến tháng 7-1954, tổng số huyện từ vĩ tuyến 17 trở ra là 236 huyện<sup>1</sup>. Theo đánh giá của Bộ Nội vụ, phần lớn các huyện trên bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân chưa đủ năng lực để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới. Do vậy, ngày 16-12-1954, Bộ Nội vụ ra Thông tư số 12-HX/TT về chinh đồn chính quyền huyện<sup>2</sup>. Thông tư hướng dẫn rõ ràng mục đích, nội dung, phương châm và phương pháp thực hiện chinh đồn chính quyền huyện.

Công tác chinh đồn chính quyền cấp huyện được thực hiện trong quá trình tiến hành vận động giảm tô và thí điểm thực hiện cải cách ruộng đất, kết hợp với việc chinh đồn cơ quan chỉ đạo của đoàn thể cấp huyện, rèn cán, chinh quân, động viên cán bộ và nhân dân tích cực tham gia việc chinh đồn, xây dựng chính quyền. Thành phần Ủy ban hành chính huyện phải đảm bảo cơ sở liên minh công nông vững chắc và tính chất liên hiệp rộng rãi của chính quyền. Huyện phải tích cực, thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ cán bộ xuất thân từ các đoàn thể, cơ quan chính quyền...

Bộ Nội vụ đã hướng dẫn quy trình ba bước tiến hành công tác chinh đồn chính quyền cấp huyện như sau: 1. Nghiên cứu tình hình tổ chức và cán bộ huyện, phân loại cán bộ; tìm cán bộ tốt để làm chỗ dựa, dự kiến thành lập Ủy ban hành chính và cán bộ bổ sung cho các ngành; 2. Tiến hành mở hội nghị giáo dục, xử trí, đề bạt và lập Ủy ban hành chính mới; 3. Sắp xếp tổ chức văn phòng Ủy ban và các ngành, hướng dẫn lề lối làm việc để chính thức chinh

đồn biên chế và thông báo kết quả hội nghị.

Đối với những huyện có các xã dã và đang phát động giảm tô chưa thể tiến hành chinh đồn chính quyền cấp huyện chính thức được thì Bộ Nội vụ lập *Kế hoạch sơ bộ chinh đồn* với những bước đi và công việc cụ thể. Đối với những huyện chưa phát động quần chúng, việc giáo dục, đề bạt và xử trí cán bộ, hướng dẫn lề lối làm việc chỉ thực hiện qua việc chấp hành chính sách, phê bình và tự phê bình thường xuyên, và mở rộng tính chất liên hiệp trong chính quyền. Đối với các huyện cải cách ruộng đất thì các Đoàn uỷ cải cách ruộng đất sẽ phụ trách chính, Ủy ban hành chính Liên khu và Ủy ban hành chính tỉnh có nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ và cử cán bộ huyện chuyên trách dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đoàn uỷ. Đối với những huyện mới phát động giảm tô và chưa phát động quần chúng thì Ủy ban hành chính Liên khu chỉ đạo cho Ủy ban hành chính tỉnh trực tiếp thi hành.

#### *c) Xây dựng, củng cố bộ máy chính quyền thị xã và thị trấn*

Trong thời gian đầu của cuộc kháng chiến, do đa số các tỉnh lỵ, thị xã đều rơi vào tay địch, nhân dân bị phân tán về các nơi tản cư, bộ máy chính quyền các thị xã, thị trấn khó hoạt động có hiệu quả và gần như không tồn tại. Sau những thắng lợi quân sự từ năm 1950 - 1953, một vùng đất đai đáng kể ở vùng Việt Bắc và một số nơi khác đã được giải phóng. Tình hình chính trị bắt đầu ổn định, hoạt động thương mại và công nghệ được khuyến khích, nhiều thị xã cũ đã được phục hồi và có đà phát triển mới. Trong quá trình kháng chiến, do nhân dân tập trung đông ở những vùng thuận tiện cho các hoạt động thương mại nên đã hình thành thêm những thị trấn mới khá đông đúc hay các phố lớn nhỏ. Tuy nhiên, việc tổ chức và củng cố chính quyền nhân dân ở những địa bàn này không được tăng cường kịp thời.

Những sự phát triển bột phát như thế của các thị xã, thị trấn đã gây ra một số khó khăn, trở ngại cho công tác kháng chiến và cải thiện dân sinh như trị

---

1. Báo cáo công tác năm 1954 của Bộ Nội vụ, hồ sơ số 86, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, tr. 3.

2. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 12, 1954, tr. 168- 171.

an, phòng gian bảo mật, hướng dẫn kinh doanh, công nghệ, chính sách dân công, thuế công thương nghiệp... Người ở quá đông, nhà cửa san sát, hàng hoá tích trữ nhiều làm cho công tác sơ tán khó khăn, nhất là khi địch dùng không quân bắn phá sẽ gây tổn thất lớn về người và của, bọn Việt gian có thể dựa vào đó mà hoạt động chống phá. Thành phần dân số lại phức tạp như tiểu tư sản, tiểu thương, tiểu chủ, người làm thuê, làm mướn,... nên cấp chính quyền xã, thôn không thể kiểm soát được, không thể động viên được nhân lực, vật lực cho kháng chiến.

Trước thực trạng đó, Hội đồng Chính phủ trong phiên họp tháng 10-1952 đã giao cho Bộ Nội vụ lập kế hoạch tổ chức chính quyền thị xã và thị trấn. Sau một thời gian nghiên cứu, ngày 27-2-1953, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 03-TC-TT về các nguyên tắc tổ chức chính quyền ở các thị xã và thị trấn<sup>1</sup>. Theo đó bốn nguyên tắc tổ chức quản lý cụ thể được xác định như sau:

1. Thuận tiện cho việc sinh sống của nhân dân thị xã, thị trấn, phù hợp với hình thái chiến tranh tiểu quy mô phân tán, phù hợp với khả năng lãnh đạo của cán bộ, đề phòng thiệt hại do chiến tranh gây ra, và sự lũng đoạn về kinh tế;
2. Việc thiết lập các cơ quan chính quyền phải đơn giản và làm dần dần phù hợp với thực tế của địa phương. Các cơ quan cần được ưu tiên thành lập sớm như Ủy ban kháng chiến hành chính, công an, thuế vụ, y tế, giáo dục...;
3. Việc thành lập các cơ quan chính quyền phải dựa trên các cơ sở quần chúng và liên hệ chặt chẽ với các đoàn thể như Mặt trận Liên Việt, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ...;
4. Các cơ quan chính quyền và chuyên môn sẽ do cấp trên thành lập, quá trình dân chủ hoá sẽ diễn ra dần dần và có kế hoạch cụ thể, tăng cường hoạt động giáo dục nhân dân tham gia chính quyền và đưa nhiều thành phần là công nông, tiểu tư sản nghèo vào Hội đồng nhân dân và

Ủy ban kháng chiến hành chính.

Các thị xã, thị trấn được chia thành ba loại: Loại thứ nhất trực thuộc tỉnh thì gọi là *thị xã*. Tổ chức của thị xã giống như một xã, nhưng về quyền hạn thì giống như một huyện. Loại thứ hai trực thuộc huyện gọi là *thị trấn*. Tổ chức và quyền hạn của thị trấn giống như ở các xã nông nghiệp thông thường. Chiều dài của thị trấn không quá 3 km và dân số không quá 2.000 người. Loại thứ ba trực thuộc xã gọi là *xóm phố*. Tổ chức của xóm phố giống như các xóm trong xã. Mỗi xã có thể có nhiều xóm phố, dân số mỗi xóm phố không quá 300 người.

Bộ máy chính quyền các thị xã tổ chức theo như thể lệ hiện hành, còn bộ máy chính quyền ở các thị trấn giống như thị xã nhưng đơn giản hơn. Thị xã hay thị trấn có thể được chia thành nhiều xóm phố để nhân dân tiện hội họp, học tập và tham gia xây dựng chính quyền. Nơi nào có các cơ quan chính quyền, cơ quan chuyên môn thì phải liên hệ chặt chẽ với tỉnh và huyện sở tại. Ngân sách thị xã, thị trấn dựa vào tỷ lệ phần trăm số thuế công thương nghiệp ở nơi đó. Nhân dân ở các xóm phố phải có đại diện của mình trong Hội đồng nhân dân, Ủy ban kháng chiến hành chính thị xã và thị trấn.

Bộ yêu cầu các địa phương phải lập dự án tổ chức thành lập thị xã, thị trấn. Dự án bao gồm các bước sau: 1. Xác định tình hình dân cư như thành phần, số dân và cư tri; 2. Xác định rõ địa giới bằng sơ đồ, trong địa giới cần lưu ý đến địa bàn công nghiệp, thương nghiệp để điều chỉnh các quyền lợi kinh tế và chính trị với các xã lân cận; 3. Xây dựng bộ máy và số cán bộ; 4. Số phụ cấp và kinh phí hành chính. Việc thành lập, sửa đổi địa giới hay bãi bỏ các thị xã phải do Bộ duyệt theo đề nghị của Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu. Việc thành lập, sửa đổi địa giới hay bãi bỏ thị trấn do Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh đề nghị, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu duyệt và báo cáo lên Bộ. Việc thành lập hay bãi bỏ các xóm phố do Ủy ban kháng chiến hành chính huyện đề nghị và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh duyệt. Đối với miền Nam

---

1. Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, số 1-2, 1953, tr.7-10.

Trung Bộ và Nam Bộ, việc thành lập, sửa đổi địa giới hay bãi bỏ các thị xã trực thuộc tỉnh do Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ duyệt theo đề nghị của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh và phải báo cáo lên Bộ Nội vụ.

Sau khi dự án thành lập thị xã, thị trấn, xóm phố được phê duyệt, các địa phương cần phải làm tốt một số công việc như tuyên truyền và giải thích cho nhân dân, hỏi ý kiến của nhân dân, điều hoà lợi ích của nhân dân ở những nơi thành lập thị xã, thị trấn mới; chỉ định Ủy ban kháng chiến hành chính lâm thời, công an, tuyên truyền, thuế vụ, dân quân, y tế, giáo dục...; tổ chức đại hội nhân dân đô thị mới và các xã lân cận để công bố việc thành lập thị xã, thị trấn mới; lập và giới thiệu chương trình công tác trong thời gian đầu để nhân dân tham gia góp ý kiến bổ sung; chú ý đến công tác phòng không, phòng gian, vệ sinh công cộng, và điều hoà lợi ích của nhân dân.

Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, dù những biện pháp nói trên mới chỉ là tạm thời và chưa đồng bộ, song cũng đặt cơ sở ban đầu cho công tác xây dựng và quản lý chính quyền ở khu vực đô thị. Đây là một trong những đóng góp có ý nghĩa quan trọng của Bộ Nội vụ.

#### *d) Xây dựng, củng cố bộ máy chính quyền cấp xã*

Do yêu cầu của cuộc kháng chiến ngày càng cao, vấn đề động viên nhân lực, vật lực cho kháng chiến càng nhiều, muốn tổng hợp được sức mạnh của toàn dân tộc để nhanh chóng đánh bại thực dân Pháp xâm lược và tay sai thì một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải củng cố bộ máy chính quyền, mà khâu then chốt nhất, quyết định nhất là bộ máy chính quyền cấp xã. Tháng 12-1950, Chính phủ đã tổ chức Hội nghị kháng chiến hành chính toàn quốc<sup>1</sup>. Hội nghị đã nhất trí với việc tiến hành củng

cố bộ máy chính quyền cấp xã, làm cho các làng xã thực sự là một pháo đài chống Pháp, là cơ sở của cách mạng, nơi cung cấp nhân lực, vật lực cho kháng chiến. Bộ Nội vụ đảm nhiệm vai trò là cơ quan hoạch định, chỉ đạo việc củng cố chính quyền cấp xã trên mọi phương diện.

Những nội dung cơ bản của công tác củng cố chính quyền cấp xã từ năm 1950 đến 1954 là chấn chỉnh bộ máy chính quyền xã, định biên số cán bộ xã, chấn chỉnh lề lối làm việc, vận động nhân dân tham gia chính quyền, và tổ chức hợp xã.

*Về chấn chỉnh bộ máy chính quyền:* Để nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã, làm cho chính quyền cấp xã phải thực sự là của dân, do dân, và đại diện cho lợi ích của dân, Chính phủ yêu cầu chính quyền các cấp phải tiến hành tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân xã theo đúng quy trình, quy phạm pháp lý. Thực hiện chủ trương của Chính phủ, ngày 26-7-1950, Bộ Nội vụ ra Thông tư về thi hành Sắc lệnh số 80 ngày 22-5-1950 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bầu cử Hội đồng nhân dân xã. Thông tư yêu cầu các xã chưa tổ chức bầu cử, mãn hạn bầu cử đều phải tiến hành bầu cử lại. Công tác bầu cử phải đúng luật và đảm bảo tính dân chủ nhân dân. Trong công tác vận động bầu cử Hội đồng nhân dân cần phải phối hợp tốt với các đoàn thể nhân dân, giáo dục nhân dân, làm cho nhân dân nhận thức rõ ràng, thấm nhuần về Hội đồng nhân dân, sốt sắng tham dự chính quyền. Trong công tác cán bộ cần phải chú trọng đến thành phần công nông (kể cả trung nông, nhất là trung nông ở miền núi) và thành phần dân tộc thiểu số, những người có thành tích chiến

---

phiên hợp, sau khi nghe *Báo cáo chính trị* của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng và *Báo cáo quân sự* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, các đại biểu hội nghị đã thảo luận sôi nổi về các mặt công tác trong kháng chiến, trong đó nhấn mạnh đến vấn đề củng cố chính quyền cấp xã. Theo *Biên bản Hội đồng Chính phủ*, tháng 12- 1950, Trung tâm Lưu trữ quốc gia 3, phòng Phủ Thủ tướng.

1. *Hội nghị kháng chiến hành chính toàn quốc* họp vào ngày 23- 12- 1950. Trong



dấu, thành tích sản xuất và đại diện các đoàn thể nhân dân, và trọng năng lực công việc hơn là trình độ văn hoá.

Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ còn xây dựng kế hoạch củng cố chính quyền xã, làm cho chính quyền cấp xã thực sự trong sạch và vững mạnh. Kế hoạch đó được thể hiện rõ qua Thông tư số 62 NV- 5 ngày 23- 3- 1951 của Bộ Nội vụ<sup>1</sup>. Thông tư chi rõ những bất cập trong bộ máy chính quyền xã như một số địa phương chưa thật sự chú ý đến việc kiện toàn thành phần công nông, ở một số xã miền núi chưa chú ý đến việc đưa thành phần dân tộc thiểu số vào bộ máy chính quyền xã; số đông các hội viên Hội đồng nhân dân chưa hiểu rõ nhiệm vụ và quyền hạn của mình; lề lối làm việc của Hội đồng chưa quy định thống nhất và thực hiện đúng mục; ở những xã lớn, Hội đồng nhân dân do kém về năng lực, chuyên môn và khả năng điều hành các hoạt động, nên vai trò của Hội đồng nhân dân bị lu mờ; năng lực của các uỷ viên Uỷ ban kháng chiến hành chính vẫn còn yếu, cách làm việc còn nặng bệnh quan liêu và mệnh lệnh nên chính quyền chưa sát dân, dân chưa thực sự tham dự chính quyền.

Để khắc phục tình trạng đó, Bộ Nội vụ xác định rõ chính quyền là của nhân dân, đại diện cho lợi ích của nhân dân, và tham gia kháng chiến cứu nước. Những người thay mặt cho nhân dân trong cơ quan chính quyền xã là uỷ viên Hội đồng nhân dân xã. Quyền quyết nghị các vấn đề trong xã tập trung về Hội đồng nhân dân xã. Hội đồng nhân dân xã sẽ tự chọn những hội viên của mình vào Uỷ ban kháng chiến hành chính để thi hành những quyết nghị của Hội đồng.

Uỷ ban kháng chiến hành chính phải chấp hành mệnh lệnh của Hội đồng nhân dân, phải thực sự mạnh và gọn để làm tròn nhiệm vụ là Ban Chấp hành của Hội đồng nhân dân. Lề lối làm việc của Uỷ ban cũng theo nguyên tắc tập

thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Uỷ ban kháng chiến hành chính xã chỉ có một văn phòng chung và một con dấu. Các công văn đi đến của các ngành công tác đều tập trung ở văn phòng Uỷ ban xã. Bộ Nội vụ quyết định bỏ cấp thôn, chòm, ấp, đồng thời khẳng định xã là đơn vị cơ sở của chính quyền.

Đối với bộ máy chính quyền xã ở vùng tạm chiếm thì công tác củng cố chính quyền phải đi đôi với công tác phá tề, trừ gian, đẩy mạnh hoạt động du kích. Tuỳ theo tình hình cụ thể, các xã ở vùng tạm chiếm được chia thành 3 loại: hạng A- cơ sở ta mạnh; hạng B- vùng giằng co, ta đã có cơ sở nhưng địch còn kiểm soát; hạng C- bị địch trực tiếp kiểm soát, cơ sở ta chưa có hoặc còn yếu. Nhìn chung, đối với những xã vùng tạm chiếm, tổ chức và lề lối làm việc dựa trên nguyên tắc gọn nhẹ, nhanh chóng và bí mật. Đối với miền núi, Bộ xác định cần có một hệ thống chung, nhưng căn cứ theo yêu cầu công tác và trình độ cán bộ mà định kế hoạch riêng cho phù hợp với thực tế.

Thông qua các biện pháp định biên số cán bộ xã, Bộ Nội vụ chủ trương giảm bớt số lượng cán bộ xã để tránh tình trạng quan liêu hoá bộ máy chính quyền cơ sở và cũng là để giảm bớt gánh nặng cho ngân sách xã. Việc phân loại cán bộ xã phải dựa trên nhu cầu công tác của xã. Các cán bộ nên kiêm nhiệm một vài công việc như vừa tham gia chính quyền, vừa tham gia Hội đồng nhân dân, và phụ trách các ngành chuyên môn tuỳ thuộc vào khả năng công tác của mình<sup>2</sup>. Việc định biên xã còn phải căn cứ vào việc phân loại xã để định số cán bộ cho hợp lý. Xã loại A có trên 4.000 nhân khẩu thì tổng số cán bộ cả thoát ly và không thoát ly là 92 người, loại B có từ 2.000 đến 4.000 nhân khẩu là 78 người, và loại C có dưới 2.000 nhân khẩu là 62 người<sup>3</sup>.

---

2. Theo Thông tư số 64 ngày 23-3-1951 của Bộ Nội vụ về chấn chỉnh đội ngũ cán bộ xã.

3. Thông tư số 9- NV- TC ngày 31-3-1952 của Bộ Nội vụ về vấn đề biên chế xã. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 3, 1952, tr. 33- 39.

---

1. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 3, 1951, tr.34- 37.

Bộ cũng xác định rõ nhiệm vụ của mỗi cấp trong quá trình thực hiện định biên ở xã. Cấp tỉnh định số xã để tiến hành từng đợt một, lập kế hoạch cụ thể cho huyện hướng dẫn xã thi hành, huấn luyện cán bộ tỉnh, huyện, xã, trước hết là các cán bộ cốt cán, và phối hợp với huyện chọn xã chỉ đạo riêng. Cấp huyện điều tra lập dự án đưa lên tỉnh, trực tiếp hướng dẫn xã thực hiện công tác định biên, hướng dẫn xã lập nội quy, văn phòng và cơ quan chuyên môn... Cấp xã cử cán bộ cốt cán đi dự các lớp huấn luyện của tỉnh, lập kế hoạch chi tiết cho từng công việc và đem ra thảo luận với nhân dân, và tổng kết hoạt động định biên.

Để củng cố chính quyền cơ sở, Bộ Nội vụ cũng đề ra một số biện pháp nhằm chấn chỉnh lề lối làm việc. Hội đồng nhân dân xã phải làm việc theo nội quy. Nội quy phải quy định rõ sinh hoạt của Hội đồng, sự phân công công tác của các thành viên Hội đồng, cách thức thu thập dân ý, cách chuẩn bị cho hội nghị, cách kiểm soát Ủy ban kháng chiến hành chính, cách truyền đạt, giải thích chủ trương, đường lối chính sách của Chính phủ, và cách liên lạc với các đoàn thể nhân dân. Ủy ban kháng chiến hành chính xã làm việc cũng phải có nội quy. Trong nội quy cần xác định rõ cách thức sinh hoạt như đảm bảo tập thể chỉ huy, cá nhân phụ trách. Mỗi tháng phải tổ chức hội nghị chuyên môn để kiểm điểm công tác tháng trước, đề ra công tác tháng sau, và lập dự án hoạt động gửi lên cấp trên. Các ngành chuyên môn phải định giờ làm việc cụ thể tại trụ sở của Ủy ban kháng chiến hành chính xã. Các Chủ tịch, Phó Chủ tịch phải luân phiên nhau đến trụ sở để giải quyết các công việc hàng ngày. Thư ký văn phòng và giao thông liên lạc phải có mặt ở văn phòng vào giờ làm việc. Chủ tịch Ủy ban có trách nhiệm lãnh đạo tập trung toàn bộ công việc của xã. Tất cả các ủy viên, các ngành chuyên môn phải chịu trách nhiệm công tác trước Ủy ban và Chủ tịch Ủy ban. Dân chủ bình nghị là một hình thức để nhân dân và chính quyền gần nhau hơn, phải phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Chính quyền có thể hỏi dân, nghe dân trình bày ý kiến,

nguyện vọng của nhân dân. Nhân dân có thể phê bình chính quyền và chính quyền tự phê bình trước dân hay báo cáo với nhân dân. Cán bộ phải có thái độ khiêm tốn, học hỏi, lắng nghe ý kiến của dân, và không nên nói nhiều làm át ý kiến của dân.

Đối với các xã miền núi, Hội đồng nhân dân xã khi làm việc cũng phải có nội quy, nhưng cần đơn giản giấy tờ, bớt các phiên họp (có thể 2 tháng một kỳ), phân công mỗi hội viên công tác ở từng xóm, bản, khu vực nhất định, đề cao tinh thần tương trợ giữa các hội viên dân tộc khác nhau. Ủy ban kháng chiến hành chính cũng cần phải sửa đổi lề lối làm việc như ở các xã miền xuôi, nhưng thời gian sinh hoạt ít hơn, các ngành kinh tế có thể ít hơn và số nhân viên làm việc cũng ít hơn.

Đối với các xã ở vùng du kích, phương châm và nhiệm vụ hoạt động của bộ máy chính quyền xã là phát động, giữ vững và đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, kết hợp giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và kinh tế, kết hợp lãnh đạo đấu tranh với lãnh đạo sản xuất và bảo vệ sản xuất, lãnh đạo nhân dân đấu tranh với địch để bảo vệ tính mạng, tài sản, chống giặc giữ làng, đấu tranh vũ trang là chính. Bộ máy tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính xã giống như các xã ở vùng tự do. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện từng xã mà có những hoạt động cho phù hợp.

Đối với các xã ở vùng địch tạm chiếm, chính quyền xã xây dựng và phát triển cơ sở nhân dân, tranh thủ nhân dân đấu tranh với địch về kinh tế và chính trị là chính, khi có điều kiện thì lãnh đạo nhân dân chuyển lên đấu tranh vũ trang. Xã nào có Hội đồng nhân dân và có điều kiện hoạt động thì đề nguyên. Ủy ban kháng chiến hành chính xã có từ 3 đến 5 hội viên (và nên thống nhất với đoàn thể) công tác ở vùng tạm chiếm. Địch tổ chức các hội tề, hương dũng, hương vệ ở các thôn, nên thôn là đơn vị hoạt động của chính quyền để chống địch.

*Vận động nhân dân tham gia chính quyền* là một khía cạnh rất quan trọng

của công tác xây dựng, củng cố chính quyền cơ sở. Chỉ khi nào nhân dân thực sự tích cực tham gia vào công tác này thì chính quyền sẽ mạnh, công cuộc kháng chiến mau đi đến thắng lợi hơn, việc cải thiện dân sinh càng chóng thành công. Nhận thức rõ ý nghĩa đó, ngày 23-3-1951, Bộ Nội vụ ra Thông tư số 63 NV- 5 giải thích về quan niệm và nội dung kế hoạch giáo dục nhân dân tham gia xây dựng chính quyền<sup>1</sup>. Bộ nhấn mạnh nội dung giáo dục nhân dân tham dự chính quyền là làm cho nhân dân hiểu được chính quyền là của nhân dân, tính chất và nhiệm vụ của chính quyền dân chủ nhân dân, nghĩa vụ và quyền lợi của người dân, các chủ trương, chính sách của Chính phủ, đoàn thể và của địa phương. Mỗi khi có chủ trương gì thì phải giáo dục cho dân hiểu, hỏi ý kiến của dân, làm cho dân thấm nhuần, rồi lập kế hoạch để dân thực hiện theo hoàn cảnh và khả năng của mỗi người.

Việc giáo dục phải dựa theo điều kiện không gian và thời gian hợp lý. Các hình thức giáo dục phù hợp như có thể tổ chức mít tinh, thảo luận, vận động nhân dân tham dự các hội nghị của Hội đồng nhân dân xã, tổ chức cho nhân dân kiểm thảo công tác, kiểm thảo cán bộ một cách rộng rãi và đúng mực. Đối với vùng bị địch tạm chiếm thì công tác giáo dục nhân dân tham dự chính quyền phải có kế hoạch riêng cho từng vùng. Với các xã miền núi, do trình độ nhân dân và điều kiện địa dư có khác, nên cũng có kế hoạch nhưng có những châm chước nhất định cho phù hợp với hoàn cảnh.

Bộ đề nghị các Liên khu phải phối hợp với các đoàn thể nhân dân để nghiên cứu, lập kế hoạch cụ thể, tỷ mỉ, sát với thực tế từng vùng để kế hoạch giáo dục nhân dân tham dự chính quyền có hiệu quả. Các Liên khu phải đẩy mạnh công tác này, phải làm cho công tác này trở thành một phong trào sâu rộng, thường xuyên, phải theo dõi, đúc rút kinh nghiệm kịp thời để phổ biến cho cán bộ và nhân dân.

---

1. Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, số 3, 1951, tr. 37- 38.

Thực hiện các Nghị định, Thông tư của Bộ Nội vụ, trong các năm từ 1950 đến 1954, công tác chinh đồn bộ máy chính quyền cấp xã đã đạt được những kết quả đáng kể.

*Về củng cố bộ máy chính quyền:* Bộ máy chính quyền xã được kiện toàn, các ngành chuyên môn tập trung vào văn phòng Ủy ban, rút bớt cán bộ thoát ly, bỏ bớt các ban không cần thiết. Nông dân lao động, chủ yếu là bản cổ nông đã bước đầu được tạo điều kiện trực tiếp tham gia xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân.

Tại vùng Tây Bắc, sau khi giải phóng<sup>2</sup>, thành phần Ủy ban kháng chiến hành chính các xã ở Tây Bắc chủ yếu là các Phìa, Tào cũ, ví dụ như Phù Yên tỷ lệ Phìa, Tào là 60%, ở Yên Châu là 90%. Có nơi còn giữ nguyên hình thức cai trị cũ như vùng của người Mông. Tuy nhiên, qua các phong trào tiêu phi, chia ruộng, thuế vụ, dân công..., một số xã đã thanh trừ được các phần tử xấu, động viên nhân dân tham gia chính quyền. Công tác chia xã cũng bước đầu đạt kết quả. Ví dụ: xã Tường Gia Phù ở Sơn La dài hơn 50 km với gần một vạn dân được chia thành 12 xã. Mô hình chia xã như Tường Gia Phù được nhiều xã ở Tây Bắc áp dụng. Việc chinh đồn chính quyền ở vùng Tây Bắc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi nó không chỉ xây dựng một chính quyền dân chủ nhân dân cho nhân dân các xã ở Tây Bắc mà nó còn góp phần củng cố hậu phương kháng chiến, nhất là khi Đảng, Chính phủ ta quyết định mở trận quyết chiến chiến lược tại Điện Biên Phủ.

---

2. Năm 1952, bộ đội ta tiến quân lên giải phóng vùng Tây Bắc. Chiến dịch Tây Bắc bắt đầu từ ngày 14-10-1952 đến ngày 10-12-1952. Kết thúc chiến dịch, quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6.000 tên địch, giải phóng một vùng đất đai rộng lớn với 28.000 km<sup>2</sup> (chiếm 8/10 diện tích vùng Tây Bắc) và 25 vạn dân. Chiến thắng Tây Bắc đã đẩy quân Pháp lún sâu vào thế bị động, quyền chủ động tiến công về chiến lược của quân ta được giữ vững và mở rộng.

Tuy nhiên, công tác lãnh đạo tập thể và phối hợp công tác còn một số hạn chế, lệch lạc như bệnh quan liêu, báo cáo nhiều, hội nghị nhiều,... làm cho cán bộ chạy theo công việc không còn thì giờ sản xuất. Công tác chinh đồn chính quyền cấp xã ở vùng địch hậu còn gặp nhiều khó khăn.

*Về phát động quần chúng:* Trong 2 đợt phát động giảm tô, quần chúng ở 4 Khu đã chinh đồn được 412 xã từ 185 xã cũ chia ra với 930.000 nhân khẩu. Nếu tính cả 3 đợt phát động là gần 1.000 xã với 1.700.000 nhân khẩu, 1/3 số xã vùng tự do có điều kiện phát động quần chúng. Từ đợt giảm tô thứ ba đến đợt 5, quần chúng đã chia 645 xã cũ thành 1.410 xã mới. Sau khi sơ bộ chinh đồn, nhìn chung các thành phần bị quy là địa chủ, cường hào gian ác đã bị loại ra khỏi bộ máy chính quyền, những thành phần cơ bản được đề bạt vào thay, chính sách dân tộc được chú ý hơn (trong đợt 3, tại Liên khu 4 trong 36 xã đã có 87 uỷ viên là người thiểu số). Từ đợt 1 đến đợt 5 đã có 1.710 phụ nữ là uỷ viên (chiếm 17% tổng số uỷ viên, có 59 người là Chủ tịch, Phó Chủ tịch xã)<sup>1</sup>.

Tính đến hết năm 1954, Bộ Nội vụ đã huy động được 1.498 người (trong đó có 917 cán bộ và 581 công nhân viên) đi phát động quần chúng<sup>2</sup>. Tuy nhiên, do mọi ngành công tác đều phát triển nên trong đợt giảm tô thứ 7 và đợt cải cách ruộng đất thứ 3, số cán bộ chỉ đạo chỉ chiếm 5% tổng số cán bộ đi phát động. Số cán bộ này đã đáp ứng được phần nào nhu cầu cán bộ cho các đợt giảm tô và cải cách ruộng đất kịp thời.

Sau một thời gian tiến hành củng cố, bộ máy chính quyền xã gọn nhẹ hơn, hoạt động có nền nếp hơn, dân chủ hơn, và là bộ máy chính quyền của nhân

dân. Đây là những yếu tố quan trọng làm cho chính quyền cấp xã vững mạnh. Sự lớn mạnh của chính quyền cấp xã cũng là một trong những nhân tố quan trọng đưa đến thắng lợi chung trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tuy nhiên, ngày nay nhìn lại, có thể thấy do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, công tác củng cố, xây dựng bộ máy chính quyền thời kỳ này đã có những hạn chế không nhỏ. Việc áp đặt một cách máy móc tỉ lệ tham gia của bản cổ nông và các thành phần “cơ bản” đã dẫn tới tình hình là đưa vào bộ máy chính quyền các cấp, nhất là cấp xã nhiều cán bộ không đủ năng lực và trình độ quản lý, điều hành công việc. Do đó, trên thực tế, ở nhiều nơi chính quyền cơ sở hoạt động không có hiệu quả. Đây chính là một trong những bất cập lớn của công tác xây dựng chính quyền mà ở trong bối cảnh của thời điểm đó Bộ Nội vụ chưa kịp thời nhận thấy và có đánh giá thoả đáng để báo cáo Chính phủ và có những hiệu chỉnh thích hợp.

## II- BỘ NỘI VỤ TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Để đảm bảo đủ số lượng cũng như chất lượng của đội ngũ cán bộ hành chính trong các cấp, các ngành, ngày 14-3-1950, Bộ Nội vụ ra Nghị định số 97 về việc tổ chức kỳ thi tuyển tham sự hành chính tại các Liên khu III, IV, và miền Nam Trung Bộ. Bộ đã có hướng dẫn cụ thể, quy định các thủ tục đăng ký thi tuyển, nội dung thi, thang điểm xét tuyển, thành lập các Hội đồng tuyển sinh, địa điểm thi tuyển<sup>3</sup>.

---

1. Báo cáo công tác năm 1954 của Bộ Nội vụ, hồ sơ số 80, tr.1- 2.

2. Tổng số cán bộ, công nhân viên của các cơ quan Trung ương là 4.534 người, trong đó có 2.238 cán bộ và 2.296 công nhân viên. Theo *Báo cáo công tác năm 1954 của Bộ Nội vụ*, hồ sơ số 80, phòng Bộ Nội vụ, tài liệu lưu trữ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, tr.1.

---

3. Những thí sinh được quyền tham dự kỳ thi này phải có đủ những điều kiện như là công dân Việt Nam, có tuổi đời từ 18 trở lên, có văn bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc văn bằng tương đương. Chương trình thi gồm một bài luận (về văn chương, giáo dục hoặc thương thức), một bài địa lý và sử ký, một bài về tổ chức bộ máy chính quyền (Hội đồng nhân dân tỉnh, xã và Ủy ban kháng chiến hành chính các

Bên cạnh việc tổ chức thi tuyển cán bộ công chức, ngày 4-11-1950, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 49 NV6- TT về việc tuyển nhân viên theo hợp đồng<sup>1</sup>. Theo Thông tư, các cơ quan có thể được tuyển một số nhân viên hợp đồng đối với những đương sự không muốn vào chính ngạch, làm những công việc có tính chất tạm thời. Do việc tuyển nhân viên hợp đồng có tính chất tạm thời nên những điều kiện tuyển, ghi trong hợp đồng căn cứ theo thoả thuận giữa cơ quan Chính phủ với nhân viên được tuyển<sup>2</sup>.

Ngày 12-12-1950, Bộ Nội vụ ra Thông tư số 62 NV- 2ATT về hạn kiểm của công chức<sup>3</sup>. Căn cứ theo điều 15 của Quy chế công chức, những người muốn được tuyển vào một ngạch công chức phải có hạn kiểm tốt. Vì vậy, hồ sơ tuyển dụng công chức phải có giấy chứng nhận hạn kiểm. Giấy hạn kiểm do Ủy ban kháng chiến hành chính xã, thị xã, thành phố nơi đương sự đang cư trú xác nhận. Tuy ý kiến của Ủy ban kháng chiến hành chính cấp giấy không mang ý nghĩa quyết định, nhưng nó giúp cho cơ quan tuyển dụng cân nhắc khi tuyển dụng.

Tiếp đó, ngày 3-3-1951, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 8NV-3-TT về định mẫu trích lục tư pháp lý lịch, kèm theo đơn xin tuyển vào

---

cấp), một bài thi đánh máy chữ, và một bài thi tốc ký. Hội đồng giám khảo, do Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu thành lập, gồm có Chủ tịch hay uỷ viên Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu làm Chủ khảo, một hoặc hai giáo sư trung học phổ thông và một hay hai tham sự hành chính hoặc kiểm sự làm uỷ viên, và một cán sự hành chính làm Thư ký.

1. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 12, 1950, tr. 265- 267.
2. Muốn được dự tuyển vào hợp đồng làm việc, những người dự tuyển phải có những đáp ứng đủ những điều kiện đã quy định trong điều 14 của Quy chế công chức. Riêng điều khoản là Quốc tịch Việt Nam được miễn cho ngoại kiều.
3. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 13, 1950, tr. 322- 323.

một ngạch công chức<sup>4</sup>. Căn cứ theo điều 14 Quy chế công chức thì ngoài những điều kiện được tuyển vào một ngạch công chức phải có quyền công dân. Quyền công dân sẽ được chứng thực bằng một bản trích lục tư pháp lý lịch do Toà án nhân dân tỉnh nơi sinh quán cấp. Đây là một trong những biện pháp để đi tới chính quy hoá việc tuyển chọn và quản lý công chức.

Đầu năm 1950, Trường Trung cấp Công an thuộc Bộ Nội vụ mở lớp đào tạo khoá I cho 130 học viên từ chức trưởng ban, trưởng huyện trở lên<sup>5</sup>. Bộ Nội vụ còn uỷ quyền cho Tổng Giám đốc Nha Công an Trung ương và Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính các Liên khu mở các lớp huấn luyện công an<sup>6</sup>. Nha Công an còn được phép mở những lớp trung cấp bổ túc và lớp huấn luyện chuyên khoa trung cấp. Nha Công an và Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu phải trình lên Bộ Nội vụ chương trình huấn luyện trong năm vào dịp đầu năm.

Để tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, ngày 23. 1. 1951, Bộ Nội vụ ra Nghị định số 35 NV- 5 về việc thiết lập ở mỗi tỉnh một Trường Bổ túc cấp xã<sup>7</sup>. Trường có nhiệm vụ đào tạo cán bộ chính quyền, đoàn thể và chuyên cấp xã trong toàn tỉnh theo phương thức huấn luyện thực nghiệm. Trường sẽ mở liên tiếp các khoá huấn luyện. Mỗi khoá từ 7 đến 20 ngày và mỗi khoá có từ 50 đến 70 học viên các cấp từ xã đến tỉnh tham dự. Mỗi khoá đào tạo theo từng ngành công tác như công tác của các hội viên Hội đồng nhân dân, công

---

4. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 2, 1951.

5. Trường Trung cấp Công an đã được thành lập tại Mỏ Giát, xã Minh Khai, Tuyên Quang.

6. Nghị định số 89 NV- 2 ngày 10-3-1950 của Bộ Nội vụ về uỷ quyền cho Nha Công an và Ủy ban kháng chiến hành chính các Liên khu mở lớp huấn luyện chuyên nghiệp trong ngành Công an.

7. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 2, 1951.

tác chỉ đạo toàn diện (chánh, phó chủ tịch xã, chánh, phó bí thư đoàn thể), công tác đoàn thể, công tác chuyên môn, công tác về chính sách ruộng đất, tổng động viên... Trường có một Ban Giám đốc lãnh đạo. Chương trình huấn luyện sẽ do Ủy ban kháng chiến hành chính quyết định cho mỗi khoá học, căn cứ theo đề nghị của đại biểu một số cơ quan, đoàn thể, theo yêu cầu công tác thực tế của các cán bộ ở cấp xã. Nhà nước cấp toàn bộ ngân sách cho các hoạt động của nhà trường.

Do đội ngũ cán bộ thuộc thành phần nông công vừa thiếu lại vừa yếu nên chưa đáp ứng được nhu cầu công việc, trong khi đó công tác giảm tô, giảm tức do Chính phủ triển khai cần nhiều cán bộ công nông hơn. Để đáp ứng đủ cán bộ cả về lượng và chất, ngày 15-12-1951, Bộ Nội vụ ra Thông tư số 19 về việc phát triển công tác huấn luyện bổ túc xã<sup>1</sup>. Bộ yêu cầu các Liên khu thực hiện các công việc sau: 1. Phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyên huấn đoàn thể, Nông hội trong việc tổ chức Trường theo biên chế xã, chọn cán bộ có năng lực vào Ban Giám đốc; 2. Thiết lập chương trình đào tạo hợp lý và có hiệu quả; 3. Nghiên cứu và lập kế hoạch luân huấn; 4. Nhằm đúng đối tượng học viên, bồi bổ, giúp họ khắc phục những nhược điểm căn bản của bản thân... Bộ yêu cầu các Liên khu phải thường xuyên báo cáo về Bộ các hoạt động của Trường, Bộ cũng ấn định 3 cán bộ của Văn phòng Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu giúp đỡ công tác bổ túc cấp xã ở các tỉnh. Bộ giao cho Trường kháng chiến hành chính Liên khu có trách nhiệm hướng dẫn các trường bổ túc cấp xã.

Công tác chỉnh huấn cán bộ cũng đạt được kết quả đáng kể. Năm 1953, qua các lớp chỉnh huấn tập trung và chỉnh huấn tại chức ở Trung ương, Bộ đã góp phần bồi dưỡng được 65 cán bộ cao cấp (chánh, phó văn phòng, giám đốc) và 172 cán bộ trung cấp (trưởng, phó phòng). Tại các Liên khu đều đã

tiến hành chỉnh huấn cho đại bộ phận cán bộ. Việc quản lý cán bộ qua hồ sơ, lý lịch giúp các cấp, các ngành thực hiện tốt công tác chỉnh đốn cán bộ, công tác đề bạt cán bộ đã đi vào nề nếp. Tuy nhiên, một số nơi việc đề bạt cán bộ chưa thật tốt, còn có tính hẹp hòi, đánh giá chưa đúng năng lực của cán bộ. Mặc dù Bộ đã tăng cường một số cán bộ cốt cán ở các cơ quan Trung ương, nhưng chưa có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho họ. Các khu và tỉnh chưa chú ý đúng mức đến công tác chỉnh đốn cán bộ, các phòng chuyên môn thiếu cán bộ cả về số lượng và chất lượng.

Ngày 12-5-1950, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phan Kế Toại đã gửi Tờ trình lên Chủ tịch Hồ Chí Minh về Dự án Quy chế công chức. Tờ trình nêu rõ do tình hình kháng chiến của dân tộc đã chuyển sang một giai đoạn mới, cho nên các cơ quan hành chính và chuyên môn phải được chấn chỉnh lại để ăn nhịp với đà tiến của ngành quân sự. Vấn đề công chức trở lên quan trọng hơn trước do yêu cầu kháng chiến đặt ra. Dự án này tập trung vào hai mục tiêu chủ yếu là đặt những nguyên tắc căn bản và tổng hợp cho các vấn đề công chức, thực hiện việc tổ chức và quản trị nhân viên các cơ quan nhà nước theo tinh thần dân chủ mới.

Căn cứ theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, ngày 20-5-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 76 về ban hành Quy chế công chức<sup>2</sup> gồm 7 chương, và 92 điều, trong đó *Chương 1* nói về nghĩa vụ và quyền lợi của công chức; *Chương 2* nói về tổ chức, quản trị và sử dụng công chức; *Chương 3* nói về tuyển dụng công chức; *Chương 4* nói về khen thưởng và thăng thưởng; *Chương 5* nói về kỷ luật; *Chương 6* nói về chế độ nghỉ phép, nghỉ ốm và nghỉ theo chế độ khác; *Chương 7* nói về ngạch bậc và chế độ chuyển ngạch công chức. Việc ban hành Quy chế công chức là một tiến bộ lớn trong công tác quy hoạch và quản lý cán bộ, nhằm đưa công tác này từng bước trở nên chính quy

---

1. Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, số 10, 1952, tr.144- 145

---

2. Việt Nam Dân quốc công báo, số 6, 1950, tr. 114- 120.

hơn. Đây là một trong những đóng góp có ý nghĩa lâu dài của Bộ Nội vụ.

Bên cạnh việc soạn thảo Quy chế công chức làm mẫu thức chung cho các bộ, ban, ngành, chính quyền căn cứ vào đó để tuyển dụng và sử dụng công chức, Bộ Nội vụ còn trao quyền cho Chủ tịch Ủy ban hành chính Bắc Bộ, Ủy ban kháng chiến hành chính Việt Bắc, Liên khu III, IV và khu Hà Nội quản trị công chức hai ngạch tá sự và cán sự hành chính của Bộ Nội vụ làm việc trong các cơ quan hành chính chuyên môn thuộc phạm vi Ủy ban<sup>1</sup>. Bộ ấn định số nhân viên tối đa trong mỗi ngạch theo đề nghị của các Ủy ban. Bộ có quyền điều chuyển công chức từ Liên khu này sang Liên khu khác, về Bộ hay Trung ương... Ngày 4-11-1950, Bộ tiếp tục ra Thông tư số 50 NV-TT hướng dẫn chi tiết việc ủy quyền quản trị công chức thuộc Bộ quản lý cho Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu. Trong đó, Bộ xác định công chức do Bộ quản trị như: phạm vi ủy quyền quản trị, quyền của các cấp quản trị, tài liệu gửi lên cấp trên, quyền của Bộ đối với công chức Bộ đã ủy quyền quản trị. Theo đó, công chức thuộc năm ngạch là tá sự, cán sự, tham sự, kiểm sự và giám sự hành chính làm việc tại Văn phòng Bộ, Văn phòng các Nha trực thuộc Bộ. Công chức thuộc ba ngạch tham sự, kiểm sự và giám sự



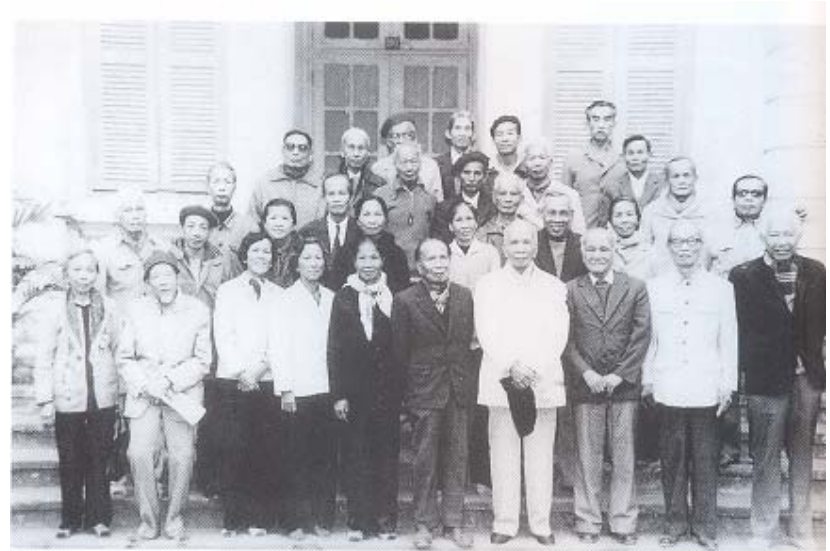
Chủ tịch Hồ Chí Minh và một số Bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời  
Nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa

---

1. Nghị định số 357 NV-6 ngày 25-10-1950 của Bộ Nội vụ về ủy quyền quản trị những công chức thuộc Bộ Nội vụ cho Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu. *Công báo*  
2. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, số 12, 1950, tr. 264- 265.



Cán bộ, nhân viên Bộ Nội vụ thời kỳ ở ATK Tân Trào (1947-1954)



Cán bộ Bộ Nội vụ làm việc trên chiến khu (năm 1947)





Địa điểm di tích Bộ Nội vụ thôn Yên Thượng, xã Trung Yên, huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang (1948-1950)

hành chính làm việc tại Ủy ban kháng chiến hành chính từ cấp huyện trở lên thuộc các Liên khu III, IV, Việt Bắc, và Hà Nội. Các cấp quản trị công chức có quyền sử dụng công chức như đã ghi trong điều 8 của Quy chế công chức. Đối với Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc, III, IV và Hà Nội được quyền sử dụng công chức theo điều 12 của Quy chế công chức. Trong trường hợp đặc biệt, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu và khu có thể điều động các giám đốc, phó giám đốc, trưởng ty, trưởng khu theo Thông tư số 40- TTg ngày 5- 10- 1950 của Thủ tướng Chính phủ, nhưng phải báo cho Bộ Nội vụ biết. Mỗi khi có đề nghị liên quan đến ngạch công chức do Bộ quản trị, nhưng thuộc quyền sử dụng của Ủy ban kháng chiến hành chính kỳ, Liên khu, Hà Nội, cơ quan chuyên môn gửi đề nghị lên Bộ quản trị và Nha quản trị thuộc Bộ. Giám đốc Nha thông tin và Công an được quyền sử dụng những công chức hành chính làm việc tại văn phòng và các bộ phận trực thuộc Nha. Các Ủy ban tỉnh và cơ quan chuyên môn trong phạm vi Liên khu và đặc khu Hà Nội phải gửi các tài liệu về bảng kê số nhân viên mỗi ngạch hành chính thuộc quyền quản trị của Bộ Nội vụ tại chức, mỗi năm hai lần vào các ngày mùng 1 tháng 1 và mùng 1 tháng 7 dương lịch; danh sách nhân viên mỗi ngạch hành chính thuộc quyền của Bộ Nội vụ tại chức, mỗi năm một kỳ vào ngày mùng 1 tháng 1 dương lịch; bản sao bảng thăng thưởng hàng năm; bản sao những nghị định, quyết định, hoặc những vấn đề có liên quan đến công chức. Bộ có quyền điều động công chức thuộc quyền mà không cần phải hỏi ý kiến của Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu, kỳ, nhưng sẽ thông báo cho Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu, kỳ biết để quản trị và sử dụng đương sự. Bộ sẽ hỏi ý kiến Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu, kỳ về việc bổ nhiệm và chuyển chuyên các trưởng ty, phó trưởng ty, trong phạm vi Liên khu hay kỳ.

Mặc dù bận rộn với nhiều công việc, nhưng Bộ Nội vụ vẫn đề đạt những chính sách đãi ngộ và khen thưởng đúng mức và kịp thời để thiết thực quan tâm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ, làm cho cán bộ yên tâm công tác.

Trong hoàn cảnh kháng chiến, công chức không thể mang theo giấy giá thú của vợ và giấy khai sinh của con nộp cho cơ quan để thanh toán tiền lương. Vì vậy, Bộ yêu cầu các công chức phải làm tờ khai về tình trạng gia đình để cấp chỉ huy xác nhận lĩnh tiền phụ cấp. Đối với những công chức sắp được tuyển dụng cũng phải kê khai tình trạng gia đình và cũng sẽ được nhận phụ cấp gia đình. Bộ cũng nhấn mạnh các cơ quan chủ quản phải thực hiện nghiêm túc, tránh gian lận, làm tổn hại đến công quỹ Nhà nước<sup>1</sup>.

Ngày 1-5-1950, Bộ Nội vụ ra Thông tư hướng dẫn cụ thể chế độ khen thưởng đối với công chức<sup>2</sup>, nêu rõ những điều kiện được xét khen thưởng, cách tính thâm niên, kê khai thành tích của cá nhân và đề nghị khen thưởng của đơn vị công tác và cơ quan cấp trên. Đối tượng được xét thăng thưởng khá rộng rãi từ công chức chính ngạch hay tạm thời, có lương hay không lương, làm việc từ trước ngày và sau ngày toàn quốc kháng chiến, những công chức đã về hưu... nếu hội đủ các điều kiện đều được xét thăng thưởng. Cách thức thăng thưởng có thể là thưởng tiền và lên ngạch.

Tháng 8-1950, Hội đồng Chính phủ họp và yêu cầu các cơ quan từ Trung ương đến địa phương sắp xếp lại công việc một cách hợp lý. Các Bộ và các Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp sẽ tổ chức lại cơ quan cho hợp với nhu cầu của cuộc tổng phản công. Những bộ phận không trực tiếp phục vụ

tổng phản công thì thu gọn lại hay tạm bỏ. Những bộ phận nào phụ trách nhiều công tác thì cần phải kiện toàn. Căn cứ theo tinh thần giản chính của Chính phủ, ngày 21-11-1950, Bộ Nội vụ ra Thông tư số 56- NV6- TT về việc cho các công chức thôi việc giản chính được hưởng một khoản trợ cấp<sup>3</sup>. Theo Thông tư, những người thuộc diện giản chính có thể gia nhập bộ đội, chuyển sang các ngành khác đang thiếu cán bộ, nghỉ việc không lương, hưu trí, và thôi việc hẳn. Đối với những công chức gia nhập bộ đội, chuyển ngành được hưởng lương và phụ cấp. Đối với những người thôi việc sẽ được trợ cấp một khoản kinh phí trước khi tìm được nghề mới. Những công chức làm việc một năm trong diện giản chính nếu khó khăn thực sự sẽ được hưởng tiền trợ cấp bằng một tháng lương. Những công chức về hưu hoặc thôi việc hẳn sẽ làm đơn xin cơ quan cũ thanh toán tiền trợ cấp.

Bên cạnh những đãi ngộ về vật chất, Bộ Nội vụ còn tiến hành động viên tinh thần cán bộ qua hoạt động khen thưởng, như xét tặng Huy hiệu kháng chiến. Tặng Huy hiệu kháng chiến là để khuyến khích về mặt tinh thần, nâng cao lòng phục vụ nhân dân của cán bộ nhân viên và công nhân kháng chiến, đề cao nhiệm vụ của nhân viên và công nhân,... Những người được thưởng Huy hiệu kháng chiến nếu vi phạm các lỗi như tham ô, hủ hoá, vô kỷ luật, gây mất đoàn kết nội bộ, trốn việc, v.v.. sẽ bị tịch thu Huy hiệu<sup>4</sup>.

Ngày 11-11-1954, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 10- CB về tặng huy hiệu Kỷ niệm kháng chiến<sup>5</sup> cho các cán bộ, chiến sĩ, nhân viên, công nhân các ngành quân, dân, chính, Đảng đã tham gia kháng chiến đến ngày hoà bình. Kỳ

---

1. Theo Thông tư số 27-NV-TT ngày 26-6-1950 của Bộ Nội vụ về việc kê khai tình trạng gia đình để lĩnh tiền phụ cấp.

2. Thông tư số 40-NV6- TT của Bộ Nội vụ về việc khen thưởng công chức. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 11, 1950, tr. 235- 236.

3. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 13, 1950, tr. 321- 322.

4. Thông tư số 06- CB ngày 8-8-1953 của Bộ Nội vụ về sửa đổi tiêu chuẩn tặng thưởng Huy hiệu kháng chiến. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 6-7, năm 1953, tr.90- 92.

5. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 9, 1954, tr.12.

niệm kháng chiến có tác dụng luôn nhắc nhở nhiệm vụ vinh quang của các cán bộ, chiến sĩ, nhân viên, công nhân khuyến khích họ phấn khởi, tích cực công tác, bền bỉ vượt qua mọi khó khăn để giành thắng lợi mới. Bộ cũng quy định những điều kiện được xét tặng đối với quân nhân, cán bộ, nhân viên, công nhân. Bộ giao cho các cơ quan quân đội, các cơ quan, đơn vị tiến hành bình xét và lập danh sách những đối tượng xét tặng Kỷ niệm kháng chiến lên cấp trên thuộc ngành của mình. Ví dụ, Tổng tư lệnh quân đội sẽ cấp phát Kỷ niệm kháng chiến cho các quân nhân, cán bộ và nhân viên thuộc quyền quản trị của Bộ Quốc phòng.

Nhằm biểu dương thành tích của cán bộ, nhân viên và công nhân đã tham gia kháng chiến, đẩy mạnh tinh thần hăng hái tham gia sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ mới, ngày 27-10-1954, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 9 -CB về tặng Huy hiệu kháng chiến đợt cuối vào dịp kỷ niệm 19-12-1954<sup>1</sup>. Đối tượng được xét tặng thưởng Huy hiệu kháng chiến là những cán bộ, nhân viên chính quyền từ cấp huyện đến Trung ương; công nhân trong các cơ quan Chính phủ, doanh nghiệp quốc gia; cán bộ, nhân viên và công nhân các đoàn thể xã hội (Đảng Lao động, Đảng Xã hội, Đảng Dân chủ, Ủy ban Liên Việt, các đoàn thể công nhân, nông dân, thanh niên và phụ nữ) từ cấp huyện đến Trung ương... Bộ cũng xác định rõ những tiêu chuẩn cần thiết để xét thưởng, thủ tục và các bước tiến hành tặng thưởng. Bộ nhấn mạnh trong quá trình bình xét các cấp phải nghiên cứu kỹ Thông tư để nắm vững quan điểm, đường lối, ý nghĩa và các tiêu chuẩn trước khi đưa ra bình xét.

Song song với những quyền lợi về vật chất và tinh thần mà công chức được hưởng tương xứng với những nhiệm vụ họ phải gánh vác, ngày 9-11-1950, Bộ Nội vụ ra Thông tư số 52- NV6- TT ấn định những chi tiết cần được áp dụng

trong việc thi hành kỷ luật đối với công chức phạm lỗi<sup>2</sup>. Bộ nhấn mạnh bên cạnh các quyền lợi đãi ngộ mà công chức được nhận, các công chức phải có tinh thần và trách nhiệm cao trong công tác, lòng trung thành, rèn luyện tính cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Tuy nhiên, nếu công chức nào không làm hết nhiệm vụ của mình, lười nhác, phạm lỗi trong khi thừa hành nhiệm vụ,... sẽ bị thi hành kỷ luật. Bộ quy định rõ về các hình thức kỷ luật như cảnh cáo, khiển trách, hoãn thăng thưởng, xoá tên trong danh sách thăng thưởng, giáng cấp, từ chức bắt buộc, và cách chức. Bộ cũng quy định chặt chẽ công tác thi hành kỷ luật như *Quyền quyết định về cách trừng phạt, Quyền bào chữa, Hội đồng kỷ luật, Thi hành kỷ luật* đối với các công chức vi phạm hình luật và công chức bỏ việc. Tuy nhiên, các hình thức kỷ luật hướng vào mục tiêu giáo dục, làm cho công chức cải tạo mình tốt hơn, sửa chữa lỗi lầm, chứ không mang tính chất đàn áp, vùi dập, cắt đường tiến thủ của người phạm lỗi khi họ đã biết hối lỗi.

Căn cứ theo Tờ trình của Liên Bộ Nội vụ- Tư pháp, ngày 17-11- 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 152 về truy tố công chức bỏ việc trong thời kỳ kháng chiến<sup>3</sup>. Sắc lệnh đã sửa đổi lại điều 3 của Sắc lệnh số 200 ngày 8-7-1948, cho phép các Bộ chủ quản có quyền ra lệnh truy tố những công chức làm việc tại các cơ quan trung ương nếu phạm pháp. Các Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu được Bộ uỷ quyền quản trị có quyền truy tố tất cả các công chức các ngành thuộc phạm vi Liên khu, nếu là Giám đốc Liên khu thì phải đề nghị lên Bộ trưởng Bộ sở quản quyết định.

Bộ cũng định rõ thể thức thi hành kỷ luật đối với công chức bỏ việc<sup>4</sup>. Theo

---

2. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 12, 1950, tr. 270- 273.

3. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 12, 1950, tr. 301- 302.

---

1. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 10, 1954, tr. 140- 141.

Điều 72 của Quy chế công chức, những công chức tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng đều bị đưa ra Hội đồng kỷ luật. Bộ Nội vụ cho rằng trong thời kỳ kháng chiến, những công chức tự ý bỏ việc trốn vào vùng địch tạm chiếm, được đổi công tác mà không chịu đi nhận việc, bỏ nhiệm sở hơn một tháng mà cơ quan không biết lý do sẽ bị cấp quản trị cách chức ngay mà không cần phải đưa ra Hội đồng kỷ luật.

Nhìn chung, trong thời kỳ từ 1950 - 1954, đặc biệt là trong những năm 1950 - 1952, Bộ Nội vụ đã có những nỗ lực trong công tác đào tạo, rèn luyện, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức cho hệ thống chính quyền, đặc biệt là hệ thống chính quyền cấp xã. Bộ Nội vụ cũng có những chính sách đãi ngộ thoả đáng (trong điều kiện thời chiến) đối với các cán bộ có năng lực, có những đóng góp với công cuộc vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Bộ Nội vụ cũng mạnh dạn đưa ra các biện pháp xử lý kiên quyết đối với những công chức không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

### III- BỘ NỘI VỤ VỚI CÔNG TÁC TIẾP QUẢN VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ HẬU CHIẾN

#### 1. Tiếp quản Thủ đô Hà Nội và các tỉnh, thành

Bộ Nội vụ đã tổ chức công tác giáo dục cán bộ tiếp quản 15 thành thị (13 thị xã và 2 thành phố là Nam Định và Hà Nội). Bộ cũng hướng dẫn các địa phương về tiêu chuẩn cán bộ và thành phần Ủy ban hành chính nhằm đảm bảo đúng tính chất dân chủ nhân dân, thể hiện được tính chất mặt trận của chính quyền, tranh thủ mọi lực lượng đấu tranh cho hoà bình, thống nhất. Đối với

---

4. Thông tư số 1 NV- 2ATT ngày 12- 1- 1951 của Bộ Nội vụ về định thể thức thi hành kỷ luật đối với công chức bỏ việc. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 1, 1951, tr.3.

các thành thị có Ủy ban quân chính, Bộ yêu cầu thành lập Ủy ban hành chính để đảm bảo công tác hành chính ở các thành thị đó được thường xuyên và thông suốt hơn. Bộ lập kế hoạch ổn định chính quyền vùng nông thôn mới giải phóng, phân loại xã để chinh đồn dần dần.

Công tác tiếp quản thành phố cũng gặp những khó khăn nhất định khi địa bàn thành thị vốn có nhiều phức tạp, kinh nghiệm tổ chức và xây dựng dựng chính quyền ở thành thị còn thiếu, những thể lệ và quy định của chế độ cũ không còn thích hợp. Đây cũng là thách thức không nhỏ của Bộ Nội vụ trong những năm tiếp theo.

Nhìn chung, Bộ Nội vụ đã làm tròn nhiệm vụ tổ chức tiếp quản Thủ đô, các thành thị và vùng nông thôn mới giải phóng, từng bước lập kế hoạch kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp.

#### 2. Giải quyết các vấn đề hậu chiến

Ngay sau khi hoà bình lập lại, Bộ Nội vụ đã tiến hành tốt công tác đón tiếp cán bộ và thường dân do đối phương trao trả. Từ ngày 18- 8 đến ngày 15- 10 - 1954, đối phương trao trả 67.786 người. Trong số đó, bộ đội là 11.344 người, cán bộ và thường dân là 56.442 người. Có 5 cán bộ cấp khu, 157 cán bộ cấp tỉnh, 652 cán bộ cấp huyện, 7.537 cán bộ xã, và 48.241 thường dân. Đến ngày 29- 10- 1954, đối phương trả thêm 211 người và đến ngày 9. 11. 1954 trả thêm 103 người nữa. Đối với số người được phía Pháp trao trả, Bộ đã tổ chức các lớp học cho cán bộ huyện, xã và thường dân. Lớp cho cán bộ huyện có thời gian từ một tháng đến 40 ngày. Lớp cho cán bộ xã và thường dân có thời gian từ 5 đến 10 ngày<sup>1</sup>. Tất cả những người được trao trả ở miền Bắc đều được tổ chức đi học. Đồng bào và cán bộ xã miền Bắc sau khi học xong cho

---

1. Báo cáo công tác năm 1954 của Bộ Nội vụ, hồ sơ số 86, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, tr.12.

về địa phương. Đồng bào miền Nam, Bộ cũng có chủ trương cho về nhưng chưa thực hiện được.

Đối với cán bộ miền Nam, tính đến ngày 30-11-1954, có khoảng 1.450 cán bộ và dân thường được phía Pháp trao trả. Trong đó có 5 cán bộ cấp khu, 57 cán bộ cấp tỉnh, 147 cán bộ cấp huyện, 293 cán bộ cấp xã, 808 cán bộ và nhân viên thường. Bộ Nội vụ đã tổ chức 2 khoá học dành cho số cán bộ này. Lớp A dành cho các cán bộ huyện trở lên học từ 15- 20 ngày. Lớp B dành cho cán bộ cấp xã trở xuống học từ 10- 15 ngày<sup>1</sup>. Đa phần số cán bộ được đào tạo qua các lớp học đều được phân công công tác.

Để bảo đảm số cán bộ cho công tác xây dựng và bảo vệ chính quyền, đặc biệt là ở những vùng mới giải phóng, Bộ Nội vụ đã thu dụng được 12.912 công chức mới (Liên khu III được 1.712 cán bộ, Liên khu IV được 106 cán bộ, Liên khu Việt Bắc được 738 người, Liên khu Tả ngạn 746 người, Trung ương và Hà Nội được 9.610 người). Trong số công chức thu dụng được ở Hà Nội có 11 Chánh, Phó Giám đốc và Đồng lý, 77 Chủ sự và Trưởng ty, 109 giáo sư, bác sĩ và y - dược sĩ<sup>2</sup>. Số công chức mới được, thu dụng được, Bộ Nội vụ phân công công tác khá hợp lý. Công chức cũ và mới đã có sự đoàn kết, tình hình công tác đi dần vào nền nếp. Công chức mới được bố trí vào những công việc đúng với năng lực của mình nên có hiệu suất công tác tốt, và tỏ ra phấn khởi với công việc mới trong chế độ mới.

Bộ Nội vụ chuyển hướng từ kiện toàn bộ máy các cấp, cung cấp cán bộ phục vụ kháng chiến (đầu năm 1954) sang công tác tổ chức cán bộ tham gia thực hiện Hiệp định đình chiến (7-1954).

Về kiện toàn bộ máy chính quyền: Ngày 23-11-1954, Bộ Nội vụ đã gửi Công văn số 979-NV/TCC về phân nhiệm vụ giữa Ủy ban quân chính và Ủy

ban hành chính tới Chủ tịch các Liên khu Việt Bắc, Tả ngạn, Khu III, Khu IV, và Tây Bắc<sup>2</sup>. Các thành phố, thị xã, thị trấn trong thời kỳ đầu mới giải phóng đã thành lập Ủy ban quân chính lãnh trách nhiệm tiếp thu và quản lý thành phố, thị xã hoặc thị trấn. Tính chất và nhiệm vụ của Ủy ban quân chính nặng về dùng quyền lực quân đội nhân dân để duy trì khôi phục trật tự và an ninh của thành thị, duy trì khôi phục đời sống nhân dân, duy trì mọi hoạt động của thành thị. Sau một thời gian hoạt động, công tác tiếp quản những thành thị mới giải phóng đã đạt được những kết quả tương đối tốt như tình hình trị an, sinh hoạt của nhân dân, hoạt động của các ngành đã ổn định về căn bản. Vì vậy, bên cạnh Ủy ban quân chính cần thành lập Ủy ban hành chính để hoàn thành nhiệm vụ tiếp quản và chuẩn bị tiến hành mọi công tác theo biện pháp hành chính thời bình.

*Về phân nhiệm giữa Ủy ban quân chính và Ủy ban hành chính:* Tất cả mọi nhiệm vụ của một cơ quan chính quyền địa phương đều trao lại cho Ủy ban hành chính, Ủy ban quân chính vẫn tồn tại để xử lý những công việc cần đến sức mạnh quân đội. Nhiệm vụ của Ủy ban quân chính là tổ chức và bảo vệ thành thị, trấn áp bọn phản cách mạng, bọn phá hoại kinh tế, phá hoại Hiệp định đình chiến có tổ chức quy mô, có vũ trang..., xử lý những việc về chính trị kinh tế quan trọng đối với ngoại kiều. Nhiệm vụ của Ủy ban hành chính là hoàn thành công tác tiếp quản và chuyển giao các công sở, nhân viên, vật liệu, tài sản cho các cơ quan sở quản; tiếp tục đấu tranh với đối phương đòi trả lại và bồi thường những thứ đã mang đi và phá hoại; giữ gìn trật tự an ninh hành chính trong thành thị; xây dựng các cơ quan chính quyền; chấp hành các chính sách của Chính phủ đối với ngoại kiều; chấp hành mọi chính sách, chủ trương của Chính phủ ở thành thị nhằm xây dựng thành thị và nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân.

---

1, 2. Báo cáo công tác năm 1954 của Bộ Nội vụ, hồ sơ số 86, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, tr. 2, 3.

---

2. Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, số 10, 1954, tr. 142.

Thành phần trong Ủy ban hành chính phải đảm bảo là cơ sở vững chắc của chính quyền dân chủ nhân dân, đảm bảo tính liên hiệp của nó ở thành thị, cần phải chọn một số cán bộ có kinh nghiệm công tác ở thành thị, sống ở thành thị, và tư sản dân tộc có uy tín, công thương và trí thức thành thị. Để bộ máy chính quyền đơn giản và gọn nhẹ, một số ủy viên của Ủy ban quân chính sẽ được điều động vào Ủy ban hành chính. Ủy ban quân chính và Ủy ban hành chính có một trụ sở công tác.

*Về kiện toàn bộ máy cán bộ:* Bộ Nội vụ còn thực hiện chủ trương của Chính phủ (5-1954) về sắp xếp lại tổ chức đội ngũ cán bộ, tinh giản biên chế (10%). Cấp địa phương, Liên khu III đã giảm được 1.120/5.070 cán bộ, Liên khu IV là 1.534/7.106 cán bộ, Liên khu Việt Bắc là 1.014/12.989 cán bộ. Các cơ quan ở trung ương cũng giảm bớt biên chế, riêng Nha Bưu điện giảm được 826/6.660 cán bộ<sup>1</sup>.

Sau khi đình chiến (7-1954) do yêu cầu công tác mới, bộ máy và biên chế các ngành ở Trung ương đều được mở rộng. Bộ Giao thông có thêm Nha Xây dựng và Tổng Cục đường sắt. Nha Tuyên truyền chuyển thành Bộ Tuyên truyền và có thêm Sở Điện ảnh, Sở Văn nghệ, Vụ miền Nam và Vụ miền Bắc. Bộ Lao động có thêm Ban Nhân lực. Bộ Nội vụ có thêm 4 phòng. Ngân hàng có thêm Sở Quản lý kho bạc và Quản lý ngoại hối.

Mặc dù bộ máy các ngành, các cấp ngày càng phát triển, số lượng cán bộ bổ sung nhiều (nhất là nguồn cán bộ ở miền Nam ra, đối phương trao trả, công chức mới...) nhưng chất lượng lại không cao. Trước nhu cầu ngày càng cao, lại có sự đòi hỏi không chỉ là số lượng mà còn là chất lượng đội ngũ cán bộ trong tình hình mới, cho nên Bộ Nội vụ cùng phối hợp với các Bộ khác nghiên cứu về đào tạo, tổ chức, định biên chế và sử dụng cán bộ một cách hợp

---

1. Báo cáo công tác năm 1954 của Bộ Nội vụ, hồ sơ số 86, phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, tr. 4.

lý.

Khi thi hành việc xếp bậc cho các ngành, các địa phương, Chính phủ nhận thấy thang lương quá nhiều bậc. Sự chênh lệch giữa các bậc lại quá ít nên không khuyến khích nhân viên trau dồi nghiệp vụ; sự phân chia công chức làm 5 ngạch như giám sự, kiêm sự, tham sự, cán sự và tá sự không hợp lý; nhiều nhân viên như cần vụ, liên lạc, công tác đội, cấp dưỡng... không được xếp vào thang lương chung. Chính vì những bất cập đó đã làm cho một số cán bộ ở Trung ương và địa phương bị thiệt thòi. Vì vậy, trong phiên họp ngày 15-5-1954, Hội đồng Chính phủ đã giao cho Bộ Nội vụ nghiên cứu kế hoạch ổn định cấp bậc cho các cán bộ và nhân viên. Đến ngày 4-8-1954, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 5- CB về ổn định cấp bậc<sup>2</sup>. Theo Thông tư, thang lương mới gồm 12 bậc<sup>3</sup>. Mặc dù bậc lương tối đa và tối thiểu vẫn được giữ nguyên như trước (tối thiểu là 35 kg gạo, tối đa là 70 kg gạo), nhưng so với trước, sự chênh lệch giữa các bậc lương đã rõ hơn và đơn giản hơn về kế toán.

Tuy nhiên, để công tác xếp bậc công chức có hiệu quả, Bộ Nội vụ cho rằng cần phải: 1. Phân loại nhân viên. Căn cứ theo nhiệm vụ và tính chất công việc của các cán bộ và nhân viên trong cơ quan Chính phủ có thể chia thành hai bộ phận. Bộ phận chung cho các ngành như văn thư, thư ký, kế toán, đánh máy, cấp dưỡng, liên lạc... Bộ phận làm công tác nghiệp vụ như cán bộ nghiên cứu, nhân viên chuyên môn, bác sĩ, y sĩ, kỹ sư, giáo viên... ; 2. Định tiêu chuẩn sắp xếp. Việc xếp bậc cán bộ, nhân viên phải căn cứ vào hiệu suất công tác và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà Chính phủ giao cho. Khi xếp bậc phải lấy hiệu

---

2. *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, số 10, 1954, tr.129- 132.

3. Mức lương quy ra gạo được quy định cụ thể như sau: bậc 1 được 35 kg gạo, bậc 2 được 37 kg gạo, bậc 3 được 39 kg, bậc 4 được 41 kg, bậc 5 được 44 kg, bậc 6 được 47 kg, bậc 7 được 50 kg gạo, bậc 8 được 54 kg gạo, bậc 9 được 58 kg gạo, bậc 10 được 62 kg gạo, bậc 11 được 67 kg gạo, bậc 12 được 70 kg gạo.

suất công tác để so sánh, cân nhắc. Ví dụ hai người có hiệu suất công tác ngang nhau thì được hưởng lương như nhau; 3. Nguyên tắc thi hành. Tất cả các cán bộ, nhân viên qua tuyển dụng đều được xếp vào thang lương mới. Những người trước gọi là công nhân không chuyên nghiệp cũng được xếp vào thang lương mới. Nhưng công nhân chuyên nghiệp làm việc ở các cơ quan Chính phủ thì được xếp vào hạng lương công nhân...

Bộ Nội vụ yêu cầu các cấp chính quyền, cơ quan, đoàn thể phải làm tốt công tác tư tưởng, làm sao cho công tác bình xét phải công bằng, đoàn kết, có tính xây dựng, tránh cục bộ, kèn cựa, nể nang, cầu toàn... Các cơ sở tiến hành bình xét, cấp trên xét duyệt. Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu sẽ duyệt các bản đề nghị sắp xếp của tỉnh. Cán bộ của Bộ nào thì gửi đề nghị sắp xếp về Bộ ấy. Bộ Nội vụ cùng với các Bộ duyệt lại những bản đề nghị sắp xếp đó. Thời gian tiến hành sắp xếp cấp bậc ở các cơ quan trung ương sẽ phải hoàn tất vào tháng 9- 1954. Đối với các địa phương công việc này cũng phải được hoàn tất vào tháng 11- 1954. Đến tháng 12- 1954, Bộ sẽ trình lên Chính phủ bản tổng kết để xin thi hành.

\*  
\*   \*

Thu - Đông năm 1950 là một thời điểm quan trọng đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của nhân dân ta, ta chuyển sang thế tiến công, tiến tới giành thắng lợi quyết định trên chiến trường. Kể từ thời điểm này, các hoạt động của Bộ Nội vụ cũng có những thay đổi mới cho phù hợp với những yêu cầu mới ngày càng cao của cuộc kháng chiến. Bộ Nội vụ tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức chính quyền từ Trung ương (cấp Bộ) tới địa phương (xã). Việc kiện toàn bộ máy chính quyền theo hướng vừa gọn, nhẹ, vừa chuyên nghiệp, chính quy đã làm cho các hoạt động của Bộ đi vào chiều sâu, thiết thực và hiệu quả hơn. Hoạt động quan trọng

nhất của Bộ Nội vụ trong thời gian này là củng cố chính quyền và giữ vững ổn định chính trị góp phần xây dựng hậu phương kháng chiến vững mạnh.

Bộ đã chủ động tham mưu cho Đảng, Chính phủ, và trực tiếp đề ra các biện pháp xây dựng, củng cố chính quyền các cấp từ Liên khu, tỉnh, huyện và xã. Bộ máy chính quyền cấp xã được Bộ Nội vụ đặc biệt chú trọng bởi làng xã chính là pháo đài, là cơ sở kháng chiến, là thành lũy của cách mạng Việt Nam. Trong những năm cuối của cuộc chiến, Bộ đã để nhiều tâm sức nghiên cứu, hướng dẫn, và đề ra các biện pháp thực hiện củng cố chính quyền xã nói riêng, các cấp nói chung. Kết quả là Bộ đã thực hiện được nhiệm vụ do Chính phủ giao là xây dựng một bộ máy chính quyền các cấp vững mạnh, đủ sức lãnh đạo nhân dân vừa kháng chiến vừa kiến quốc và nhanh chóng đi tới thắng lợi hoàn toàn.

Công tác công chức, cán bộ đã có bước tiến đáng kể theo hướng thống nhất, chính quy hoá với sự ra đời của bản Quy chế công chức. Tuy nhiên, việc thực hiện quy chế này trong bối cảnh của các cuộc vận động chỉnh huấn, giảm tô và thí điểm cải cách ruộng đất bước đầu đã bộc lộ những bất cập lớn, như nặng về thành phần giai cấp, máy móc trong quy định về đánh giá, xếp bậc, khen thưởng và kỷ luật công chức, cán bộ.

Sau Hiệp định đình chiến, Bộ Nội vụ đã hoàn thành tốt việc chỉ đạo, tổ chức công tác tiếp quản Thủ đô, vùng mới giải phóng, góp phần ổn định tình hình chính trị, ổn định chính quyền và ổn định đời sống cho nhân dân.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng chính quyền Bộ Nội vụ cũng có những khiếm khuyết nhất định. Trong quá trình dân chủ hoá bộ máy chính quyền nông thôn, Bộ đã tiến hành một cách máy móc khi cố gắng đưa thật nhiều thành phần bản, cổ nông vào bộ máy chính quyền nông thôn mà chưa thực có sự quan tâm thoả đáng tới các tầng lớp khác. Thành phần bản, cổ nông có ưu điểm là tích cực tham gia cách mạng, có đóng góp lớn cho công cuộc kháng chiến kiến quốc, nhưng lại hạn chế về trình độ học vấn và năng lực

công tác. Mặc dù vậy, thành công mà Bộ đạt được vẫn là cơ bản và đáng được ghi nhận.

Để đạt được những thành công đó là do Bộ Nội vụ đã khắc phục khó khăn, nắm vững và vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ trong công tác xây dựng và củng cố chính quyền, luôn bám sát thực tế và dự kiến tình hình để đề ra những chủ trương, đường lối và quyết sách đúng đắn, phù hợp với yêu cầu của tình hình, đóng góp xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của toàn dân tộc trong cuộc kháng chiến trường kỳ, anh dũng chống thực dân Pháp.